|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/TT-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

# THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm**

**Quản lý tài sản công**

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ số của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công.*

# Chương I

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công (sau đây gọi tắt là Phần mềm), thực hiện việc cập nhật thông tin tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

###### 1. Đối tượng áp dụng Thông tư này bao gồm:

###### a) Bộ Tài chính;

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ quan khác ở trung ương (gọi chung là Bộ, cơ quan trung ương); Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương; Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được giao nhiệm vụ tiếp nhận và quản lý báo cáo kê khai tài sản công, tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (gọi chung là cơ quan tài chính);

c) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý công nghệ thông tin của Bộ, cơ quan trung ương; Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cơ quan quản lý công nghệ thông tin);

d) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (bao gồm cả chủ đầu tư, chủ dự án trong trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án) liên quan đến việc báo cáo kê khai, đăng nhập, chuẩn hoá dữ liệu trong Phần mềm và khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

đ) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân; cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (gọi tắt là đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác lập); các cơ quan, cá nhân khác có liên quan đến việc báo cáo kê khai, đăng nhập, chuẩn hoá dữ liệu tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trong Phần mềm và khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

2. Thông tư này không áp dụng đối với tài sản của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.

**Ðiều 3.** **Giải thích từ ngữ**

1. Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản phục vụ dự án của các Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước là các tài sản được quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Phần mềm Quản lý tài sản công là Phần mềm do Bộ Tài chính xây dựng nhằm ứng dụng dịch vụ tài chính công trực tuyến hỗ trợ Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tin học hoá quá trình báo cáo kê khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là ban quản lý dự án), tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Theo dõi tình hình biến động (tăng, giảm, thay đổi thông tin), tình hình khai thác, xử lý các loại tài sản công tại các cơ quan, tổ chức đơn vị; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước phải báo cáo kê khai, theo dõi thời hạn kết thúc của các dự án;

c) Kết xuất Báo cáo về tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật;

d) Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trong phạm vi cả nước, từng Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác lập để hình thành Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

## 3. Cán bộ quản trị Phần mềm (gọi tắt là Cán bộ quản trị) là cán bộ, công chức của Bộ Tài chính, cơ quan tài chính các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được Thủ trưởng đơn vị giao nhiệm vụ quản trị, vận hành Phần mềm, thực hiện nhập, duyệt dữ liệu tài sản trên Phần mềm theo quy định tại khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Thông tư này. Cán bộ quản trị được cấp một tài khoản (bao gồm: tên truy cập và mật khẩu) do Bộ Tài chính tạo lập để truy cập Phần mềm.

## 4. Cán bộ sử dụng Phần mềm (gọi tắt là Cán bộ sử dụng) là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác lập được đăng ký và có quyền truy cập Phần mềm để thực hiện nhiệm vụ do Thủ trưởng đơn vị giao. Cán bộ sử dụng được cấp một tài khoản (bao gồm: tên truy cập và mật khẩu) do Cán bộ quản trị quy định tại khoản 3 Điều này tạo lập.

## **Điều 4. Điều kiện vận hành Phần mềm**

1. Máy vi tính của cán bộ sử dụng, cán bộ quản trị Phần mềm phải được kết nối internet.

2. Máy vi tính phải được cấu hình như sau: hệ điều hành Windows 7 trở lên; Cấu hình máy tính CPU Dual-core 2Ghz, RAM 4GB,trình duyệt Firefox 27+, Chrome 30+, Safari 7+ trở lên, phải được cập nhật các bản vá lỗi hệ điều hành về an ninh; được cài đặt chương trình phần mềm diệt virus, được cập nhật thường xuyên các bản nhận dạng mẫu virus mới, các bản vá lỗi an ninh cho hệ điều hành.

3. Thông tin nhập vào Phần mềm phải sử dụng font chữ Unicode TCVN 6909:2001 gõ dấu tiếng Việt. Các văn bản dùng hệ font chữ khác với Unicode, phải được chuyển đổi sang định dạng font chữ Unicode TCVN 6909:2001 trước khi tải vào Phần mềm.

4. Điều kiện của cán bộ quản trị, cán bộ sử dụng là người được Bộ Tài chính cấp, duyệt tài khoản, phân quyền truy cập theo đề nghị bằng văn bản của cơ quan tài chính các Bộ, cơ quan trung ương; Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

# Chương II

# QUY ĐỊNH CỤ THỂ

## **Điều 5. Quản lý về kỹ thuật**

1. Cục Tin học và Thống kê tài chính (Bộ Tài chính) có trách nhiệm:

a) Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật về máy chủ, đường truyền, sao lưu dữ liệu cho hoạt động thông suốt của hệ thống;

b) Đảm bảo an ninh, an toàn về mặt kỹ thuật, lưu trữ và bảo mật dữ liệu tài sản công được cài đặt tại Bộ Tài chính;

c) Xử lý các vấn đề về kỹ thuật phát sinh trong quá trình sử dụng Phần mềm; hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị trong việc triển khai kết nối về hạ tầng máy chủ; thông báo cho các bên liên quan khi có sự thay đổi các thông tin kết nối về hạ tầng của Bộ Tài chính;

d) Đảm bảo việc đồng bộ mã đơn vị có quan hệ ngân sách và mã đơn vị đăng ký tài sản sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu đồng bộ sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

 2. Cơ quan quản lý công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Đảm bảo các điều kiện vận hành Phần mềm theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

b) Thực hiện các quy định về kết nối được quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Tuân thủ các tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối theo quy định tại Điều 11 Thông tư này với Phần mềm khi xây dựng các hệ thống thông tin, triển khai kết nối;

d) Thông báo, phản ánh về tình hình kết nối, khai thác Phần mềm với Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản).

**Điều 6. Quản lý về nghiệp vụ**

1. Cục Quản lý công sản (Bộ Tài chính) có trách nhiệm:

a) Xây dựng yêu cầu về nghiệp vụ báo cáo kê khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trong từng thời kỳ làm cơ sở để xây dựng, nâng cấp Phần mềm;

b) Tổ chức tập huấn, hỗ trợ cơ quan tài chính của các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhập, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu trong Phần mềm; khai thác, sử dụng thông tin trong Phần mềm và các nghiệp vụ liên quan khác;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc nhập, duyệt dữ liệu tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước của các cơ quan tài chính các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vào Phần mềm.

2. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo việc nhập, duyệt dữ liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý vào Phần mềm; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu tài sản công trong Phần mềm.

3. Cơ quan tài chính của các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Đảm bảo việc nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu trong Phần mềm theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, bảo mật của dữ liệu theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án được phân cấp nhập liệu thuộc phạm vi quản lý của địa phương thực hiện nhập liệu, chuẩn hoá dữ liệu trong Phần mềm; khai thác, sử dụng thông tin trong Phần mềm và các nghiệp vụ liên quan khác.

4. Đơn vị được phân cấp nhập liệu của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thực hiện việc nhập, chuẩn hoá dữ liệu trong Phần mềm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, bảo mật của dữ liệu theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị; Ban quản lý dự án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác lập có trách nhiệm thực hiện Báo cáo kê khai tài sản thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xác nhận đối với tài sản thuộc trung ương quản lý; sở, ban, ngành chủ quản, cơ quan chủ quản dự án hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 127 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi tắt là Nghị định 151/2017/NĐ-CP).

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao quản lý, sử dụng Phần mềm có hành vi vi phạm về việc đăng nhập, sử dụng dữ liệu tài sản công bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dữ trữ quốc gia, kho bạc nhà nước và pháp luật có liên quan.

**Điều 7. Quản lý chứng thư số**

1. Chứng thư số là một dạng chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp nhằm cung cấp thông tin định danh cho khóa công khai của một cơ quan, tổ chức, cá nhân, từ đó xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân là người ký chữ ký số bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng.

2. Chứng thư số được sử dụng tại Phần mềm Quản lý tài sản công trong trường hợp Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn thực hiện Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công gửi về Bộ Tài chính theo hình thức báo cáo điện tử thông qua phần giao diện Báo cáo điện tử thiết lập trên Phần mềm.

2. Trường hợp lựa chọn sử dụng Báo cáo điện tử, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị cấp chứng thư số theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng gửi đến Cục Chứng thư số và bảo mật thông tin của Bộ Quốc phòng.

3. Việc quản lý, sử dụng chứng thư số thực hiện theo quy định tại Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

**Điều 8. Định danh mã đơn vị đăng ký tài sản trong Phần mềm**

1. Căn cứ mã đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước thuộc Danh mục dùng chung của Bộ Tài chính, cơ quan tài chính của các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chuyển mã của tất cả các đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước sang mã đơn vị đăng ký tài sản được định danh trong Phần mềm, đảm bảo tính chính xác và đầy đủ các thông tin của đơn vị.

2. Trường hợp đơn vị có tài sản công phải kê khai vào Phần mềm theo quy định nhưng không có mã quan hệ với ngân sách nhà nước thì cơ quan tài chính của các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm định danh mã đơn vị đăng ký tài sản của đơn vị đó vào Phần mềm để thực hiện kê khai đăng ký.

3. Cách định danh mã đơn vị đăng ký tài sản trong Phần mềm thực hiện theo Tài liệu hướng dẫn sử dụng Phần mềm được đăng tải trên Phần mềm với đường dẫn truy cập là https://qltsc.mof.gov.vn.

Việc định danh mã đơn vị đăng ký tài sản trong Phần mềm gồm có Đơn vị tổng hợp (không trực tiếp kê khai tài sản) và Đơn vị đăng ký (đơn vị trực tiếp kê khai tài sản) được thực hiện gán mã theo nguyên tắc sau:

a) Mã đơn vị bậc 1 gồm 3 ký tự: Dùng để quy định cho các đơn vị là Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mã này đã được Bộ Tài chính gán cố định trong Phần mềm. Ví dụ: T01 là thành phố Hà Nội; 018 là Bộ Tài chính...

b) Mã đơn vị bậc 2 gồm 6 ký tự: Trong đó 3 ký tự đầu là Mã đơn vị bậc 1, 3 ký tự tiếp theo là Mã đơn vị bậc 2, được gán tăng dần, bắt đầu từ 001 đến 999 để quy định cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp Bộ, cơ quan ngang Bộ như: Văn phòng Bộ, Tổng cục…; hoặc trực thuộc trực tiếp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như: Văn phòng UBND cấp tỉnh, các Sở, quận/huyện,

c) Mã đơn vị bậc 3 gồm 9 ký tự: Trong đó 6 ký tự đầu là Mã đơn vị bậc 2, 3 ký tự tiếp theo là Mã đơn vị bậc 3, được gán tăng dần, bắt đầu từ 001 đến 999 để quy định cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp Tổng cục như Văn phòng Tổng cục, các Cục thuộc Tổng cục… hoặc trực thuộc trực tiếp các Sở, quận/huyện như: Văn phòng Sở, Văn phòng UBND quận/huyện, các phòng trực thuộc huyện, các xã/phường…

d) Mã đơn vị bậc 4 gồm 12 ký tự: Trong đó 9 ký tự đầu là Mã đơn vị bậc 3, 3 ký tự tiếp theo là Mã đơn vị bậc 4, được gán tăng dần, bắt đầu từ 001 đến 999 để quy định cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp Cục như Văn phòng Cục, các Chi cục… hoặc trực thuộc các Phòng thuộc quận/huyện như: Trường học trực tiếp phòng Giáo dục và Đào tạo…

Mã đơn vị bậc 5 (nếu cần quy định) thì việc khai báo cũng phải tuân theo nguyên tắc nêu trên. Mã đơn vị bậc 5 gồm 15 ký tự.

4. Cơ quan tài chính của các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, rà soát mã đơn vị đăng ký tài sản để tránh bị trùng lặp, kịp thời cập nhật thông tin đơn vị nếu có quyết định chấm dứt hoạt động, giải thể, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên đơn vị.

**Điều 9. Nhập dữ liệu tài sản vào Phần mềm**

1. Thông tin dữ liệu tài sản công cập nhật vào Phần mềm là thông tin tại Báo cáo kê khai của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Ban quản lý dự án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác lập theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thông tin nhập vào Phần mềm

a) Thông tin báo cáo kê khai lần đầu, báo cáo kê khai bổ sung và báo cáo kê khai thay đổi thông tin, báo cáo kê khai xóa thông tin về tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo mẫu số 04a-ĐK/TSC, 04b-ĐK/TSC, 04c-ĐK/TSC, 04d-ĐK/TSC, 06a-ĐK/TSC, 06b-ĐK/TSC, 06c-ĐK/TSC, 06d-ĐK/TSC, 07-ĐK/TSC ban hành kèm theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư 144/2017/TT-BTC);

b) Thông tin báo cáo kê khai, báo cáo thay đổi thông tin, báo cáo kê khai xóa thông tin của tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo mẫu số 05a-ĐK/TSDA, 05b-ĐK/TSDA, 05c-ĐK/TSDA, 06a-ĐK/TSC, 06b-ĐK/TSC, 06c-ĐK/TSC, 06d-ĐK/TSC, 07-ĐK/TSC ban hành kèm theo Thông tư 144/2017/TT-BTC;

c) Thông tin báo cáo kê khai tài sản xác lập sở hữu toàn dân theo các Mẫu số 01a-KK/TSXL, 01b-KK/TSXL, 01c-KK/TSXL, 02-PAXL/TSXL, 03-KQXL/TSXL, 04-KQTC/TSXL ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nhập dữ liệu

Căn cứ Báo cáo kê khai tại khoản 2 Điều này, các hồ sơ kèm theo hoặc File dữ liệu (scan bản gốc), cán bộ quản trị, cán bộ sử dụng được phân quyền nhập dữ liệu tài sản vào Phần mềm đảm bảo đầy đủ, chính xác, hợp lý của dữ liệu, đồng thời thực hiện việc kiểm tra, chuẩn hoá dữ liệu đã nhập thường xuyên hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp dữ liệu tại Báo cáo kê khai chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc không hợp lý thì yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đơn vị chủ trì quản lý tài sản xác lập, ban quản lý dự án rà soát, chỉnh lý, gửi lại Báo cáo kê khai để thực hiện nhập dữ liệu vào Phần mềm.

4. Đơn vị nhập dữ liệu vào Phần mềm bao gồm:

a) Cơ quan tài chính các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính, các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương;

b) Các đơn vị dự toán cấp 2 thuộc các Bộ, cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (như Tổng cục, Cục, Vụ và tổ chức tương đương trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương; Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và các đơn vị tương đương);

c) Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan tài chính của Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định việc phân cấp nhập dữ liệu cho các đơn vị quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Trường hợp cần thiết phân cấp nhập liệu cho các đơn vị ngoài quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính quyết định trên cơ sở văn bản đề nghị của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

d) Cơ quan tài chính các Bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện tạo tài khoản nhập liệu theo nguyên tắc tại điểm đ khoản 4 Điều này; có văn bản gửi danh sách về Bộ Tài chính để duyệt tài khoản;

đ) Nguyên tắc tạo tài khoản nhập liệu của các đơn vị dự toán cấp 2 gồm 03 ký tự đầu tiên là 03 ký tự định danh Mã đơn vị của Bộ, cơ quan trung ương, các tỉnh thành phố trung ương đã định danh trong Phần mềm (ví dụ: T01\_..., trong đó T01 là mã định danh của Thành phố Hà Nội trong Phần mềm).

**Điều 10. Duyệt dữ liệu tài sản trênPhần mềm**

1. Đối với các tài sản là đất, nhà, xe ô tô, tài sản cố định khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thì cán bộ quản trị Phần mềm có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu dữ liệu giữa Báo cáo kê khai tài sản công và dữ liệu đã nhập vào Phần mềm để thực hiện duyệt dữ liệu.

2. Đối với tài sản cố định khác có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (ngoài đất, nhà, xe ô tô), tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân sau khi cán bộ sử dụng Phần mềm nhập liệu thành công thì mọi thông tin về tài sản là số liệu chính thức, không thực hiện duyệt dữ liệu đối với các tài sản này.

**Điều 11. Kết nối vào Phần mềm**

1. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nhu cầu kết nối Cơ sở dữ liệu về tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý vào Phần mềm Quản lý tài sản công phải được sự đồng ý của Bộ Tài chính trên cơ sở văn bản đề nghị của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Việc kết nối phải tuân thủ các quy định tại Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công và Tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối dữ liệu vào Phần mềm Quản lý tài sản công ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Dữ liệu về tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi được kết nối vào Phần mềm là tài sản đã được duyệt. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu kết nối.

**Điều 12. Khai thác, sử dụng thông tin**

1. Việc khai thác, sử dụng thông tin trong Phần mềm thực hiện theo quy định tại Điều 114 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

2. Bộ Tài chính được khai thác, sử dụng thông tin về tài sản công tại cơ quan, tổ chức đơn vị; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trong phạm vi cả nước trong Phần mềm.

3. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các đơn vị được phân cấp nhập liệu có quyền khai thác, sử dụng thông tin về tài sản công tại cơ quan, tổ chức đơn vị; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý trong Phần mềm.

4. Thông tin khai thác từPhần mềm được sử dụng để:

a) Phục vụ công tác lập kế hoạch (ngắn hạn, dài hạn), công tác chỉ đạo, điều hành, báo cáo, phân tích dự báo của Chính phủ, của Bộ Tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Làm căn cứ để lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra, giám sát việc giao đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản công, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, khai thác, xử lý (thu hồi, bán, chuyển nhượng, điều chuyển, thanh lý, tiêu huỷ) tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

5. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc ban hành quy định về việc phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân vào Phần mềm và sử dụng thông tin lưu giữ trong Phần mềm vào các mục đích được quy định tại khoản 4 Điều này.

**Điều 13. Báo cáo điện tử**

1. Hình thức báo cáo tình hình quản lý sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 130 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

2. Trường hợp Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lựa chọn hình thức báo cáo điện tử, thực hiện thao tác trên Phần mềm theo hướng dẫn tại mục Báo cáo điện tử trên Tài liệu hướng dẫn sử dụng Phần mềm đính kèm trên Phần mềm Quản lý tài sản công.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ký Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thông qua thiết bị Chứng thư số do Cục Chứng thư số và bảo mật thông tin của Bộ Quốc phòng cấp theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Báo cáo được duyệt thông qua thiết bị Chứng thư số gửi về Bộ Tài chính sẽ có giá trị pháp lý như báo cáo bằng văn bản.

**Điều 14. Kinh phí đảm bảo việc quản lý, khai thác Phần mềm**

Kinh phí cho việc xây dựng, nâng cấp, duy trì Phần mềm được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.

2. Bãi bỏ Thông tư số 184/2014/TT-BTC ngày 01/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

3. Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp xử lý./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước:  - Văn phòng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Toà án Nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Cơ quan trung ương của các tổ chức đoàn thể;  - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;  - Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);  - Công báo;  - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;  - Cổng TTĐT Bộ Tài chính;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Lưu: VT, QLCS. | KT. BỘ TRƯỞNGTHỨ TRƯỞNG **Nguyễn Đức Chi** |